BỘ CÔNG THƯƠNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐIỆN LỰC

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 1531/QĐ-ĐHĐL

Hà Nội, ngày 11 tháng 6 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
Ban hành Quy chế hoạt động Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo của Trường Đại học Điện lực

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐIỆN LỰC

Căn cứ Nghị quyết số 03/NQ-HĐT ngày 30 tháng 05 năm 2023 của Hội đồng trường Trường Đại học Điện lực ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Điện lực;

Căn cứ Luật Giáo dục đại học số 125/2025/QH15 ngày 10 tháng 12 năm 2025;

Căn cứ Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo số 93/2025/QH15 ngày 27 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Dữ liệu số 60/2024/QH15 ngày 30 tháng 11 năm 2024;

Căn cứ Luật Bảo vệ dữ liệu cá nhân số 91/2025/QH15 ngày 26 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ số 131/2025/QH15 ngày 27 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chuyển giao công nghệ số 115/2025/QH15 ngày 10 tháng 12 năm 2025

Căn cứ Nghị định số 125/2026/NĐ-CP ngày 06/4/2026 của Chính phủ quy định về hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trong cơ sở giáo dục đại học;

Căn cứ Nghị định số 262/2025/NĐ-CP ngày 14/10/2025 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Khoa học, Công nghệ và đổi mới sáng tạo về thông tin, thống kê, đánh giá, chuyển đổi số và các vấn đề chung;

Căn cứ Nghị định số 263/2025/NĐ-CP ngày 14/10/2025 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo về cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm của tổ chức khoa học và công nghệ công lập, nhân lực, nhân tài và giải thưởng trong lĩnh vực khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo;

Căn cứ Nghị định số 267/2025/NĐ-CP ngày 14/10/2025 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo về chương trình, nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo

và một số quy định về thúc đẩy hoạt động nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo;

Căn cứ Nghị định số 356/2025/NĐ-CP ngày 31/12/2025 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Bảo vệ dữ liệu cá nhân.

Căn cứ Quyết định số 2557/QĐ-BKHCN ngày 25/5/2026 của Bộ Khoa học và Công nghệ Quyết định ban hành Hướng dẫn về liêm chính khoa học và đạo đức nghề nghiệp trong nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ

Theo đề nghị của Trưởng phòng Quản lý khoa học và Hợp tác quốc tế.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này "Quy chế hoạt động Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo của Trường Đại học Điện lực".

Điều 2. Quy chế này có hiệu lực kể từ ngày ký. Các văn bản có liên quan tới hoạt động Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trước đây không phù hợp với Quy chế này đều bị bãi bỏ.

Điều 3. Trưởng các đơn vị: Phòng Quản lý khoa học và Hợp tác quốc tế, Phòng Quản lý Đào tạo, Phòng Tổ chức - Hành chính, Phòng Kế hoạch - Tài chính, các đơn vị thuộc, trực thuộc Trường Đại học Điện lực và các cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3 (để th/h);
- Các Phó Hiệu trưởng (để chỉ đạo th/h);
- Lưu: VT, QLKH&HTQT, AnLTQ(03).

HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐIỆN LỰC

Đinh Văn Châu

BỘ CÔNG THƯƠNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐIỆN LỰC

QUY CHẾ
HOẠT ĐỘNG KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ VÀ ĐỔI MỚI SÁNG TẠO CỦA TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐIỆN LỰC

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1531./QĐ-ĐHĐL ngày 11 tháng 6 năm 2026 của Trường Đại học Điện lực)

Hà Nội, 2026

MỤC LỤC

CHƯƠNG I. QUY ĐỊNH CHUNG 1

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng 1

Điều 2. Giải thích từ ngữ 1

Điều 3. Nguyên tắc quản lý hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo 3

Điều 4. Khối lượng thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo 4

Điều 5. Liêm chính khoa học, đạo đức nghề nghiệp trong hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo 5

CHƯƠNG II. ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN, KẾ HOẠCH KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ VÀ ĐỔI MỚI SÁNG TẠO 5

Điều 6. Định hướng phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo 5

Điều 7. Xây dựng và điều chỉnh kế hoạch khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo ... 6

Điều 8. Tổ chức thực hiện kế hoạch khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo 6

Điều 9. Thông tin khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo 7

CHƯƠNG III. TRIỂN KHAI HOẠT ĐỘNG KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ VÀ ĐỔI MỚI SÁNG TẠO 7

Điều 10. Nội dung hoạt động khoa học và công nghệ và đổi mới sáng tạo 7

Điều 11. Nguyên tắc triển khai hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo 9

Điều 12. Tổ chức hoạt động nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ 9

Điều 13. Các hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo 10

CHƯƠNG IV. TỔ CHỨC VÀ QUẢN LÝ NHIỆM VỤ KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ VÀ ĐỔI MỚI SÁNG TẠO 11

Điều 14. Phân loại nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo 11

Điều 15. Quản lý nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo 12

Điều 16. Tạp chí Khoa học của Trường Đại học Điện lực 15

Điều 17. Công bố kết quả nghiên cứu, khoa học và đổi mới sáng tạo 15

Điều 18. Quy định chi tiết và tổ chức thực hiện 16

CHƯƠNG V. HOẠT ĐỘNG SỞ HỮU TRÍ TUỆ, CHUYỂN GIAO VÀ THƯƠNG MẠI HÓA 17

Điều 19. Phạm vi và nguyên tắc quản lý hoạt động sở hữu trí tuệ 17

Điều 20. Khai báo, quản lý tài sản trí tuệ 17

Điều 21. Xác định quyền sở hữu và quyền công bố đối với tài sản trí tuệ 18

Điều 22. Chuyển giao công nghệ và tài sản trí tuệ 19

Điều 23. Thương mại hóa kết quả nghiên cứu 19

Điều 24. Định giá và phân chia lợi ích từ khai thác tài sản trí tuệ 20

Điều 25. Quản lý và công nhận sáng kiến, sáng kiến kinh nghiệm 20

CHƯƠNG VI. ĐỐI NGOẠI VÀ PHÁT TRIỂN TIỀM LỰC TRONG HOẠT ĐỘNG KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ VÀ ĐỔI MỚI SÁNG TẠO 21

Điều 26. Hợp tác doanh nghiệp trong và ngoài nước 21

Điều 27. Hợp tác quốc tế về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo 21

Điều 28. Phát triển nhóm nghiên cứu, tổ chức khoa học và công nghệ 22

Điều 29. Phát triển cơ sở vật chất và trang thiết bị phục vụ nghiên cứu 22

Điều 30. Quy định chi tiết và tổ chức thực hiện 23

CHƯƠNG VII. TÀI CHÍNH, QUỸ VÀ ĐẦU TƯ CHO HOẠT ĐỘNG KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ VÀ ĐỔI MỚI SÁNG TẠO 23

Điều 31. Nguồn tài chính cho hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo 23

Điều 32. Nguyên tắc quản lý, phân bổ và sử dụng kinh phí 23

Điều 33. Cơ chế quản lý, hình thành và vận hành Quỹ phát triển khoa học và công nghệ 24

Điều 34. Nội dung chi cho hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo 25

CHƯƠNG VIII. KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ, THỐNG KÊ VÀ BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ VÀ ĐỔI MỚI SÁNG TẠO 26

Điều 35. Nguyên tắc kiểm tra, đánh giá hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo 26

Điều 36. Nội dung và ứng dụng kết quả kiểm tra, đánh giá 26

Điều 37. Đánh giá hiệu quả hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo 26

Điều 38. Chế độ báo cáo hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo..... 27

CHƯƠNG IX. TỔ CHỨC THỰC HIỆN 27

Điều 39. Trách nhiệm và quyền hạn của Ban Giám hiệu về quản lý hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo 27

Điều 40. Nhiệm vụ và trách nhiệm của các đơn vị trong quản lý hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo 27

Điều 41. Nhiệm vụ và trách nhiệm của cá nhân trong hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo 30

Điều 42. Nhiệm vụ của các tổ chức tư vấn trong Trường về quản lý hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo 30

CHƯƠNG X. KHEN THƯỞNG VÀ XỬ LÝ VI PHẠM..... 31

Điều 43. Khen thưởng 31

Điều 44. Xử lý vi phạm 31

CHƯƠNG XI. ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH..... 32

Điều 45. Điều khoản thi hành 32

Điều 46. Điều khoản chuyển tiếp 33

CHƯƠNG I. QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Quy chế này quy định về hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo (sau đây gọi tắt là KHCN&ĐMST) trong Trường Đại học Điện lực (sau đây gọi là Trường hoặc Nhà trường) bao gồm: xây dựng định hướng, kế hoạch KHCN&ĐMST; tổ chức, quản lý và thực hiện nhiệm vụ KHCN&ĐMST; hoạt động đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp; sở hữu trí tuệ và chuyển giao công nghệ; nhóm nghiên cứu tiềm năng và nhóm nghiên cứu mạnh; tài chính trong hoạt động KHCN&ĐMST, quỹ và đầu tư; khen thưởng và xử lý vi phạm; quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của các đơn vị, cá nhân có liên quan.

2. Quy chế này áp dụng đối với các đơn vị, cá nhân tham gia hoạt động KHCN&ĐMST trong Trường Đại học Điện lực.

3. Các nội dung không quy định tại Quy chế này được thực hiện theo quy định của pháp luật có liên quan.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

Trong Quy chế này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. *Hoạt động KHCN&ĐMST* bao gồm các hình thức: nghiên cứu cơ bản; nghiên cứu ứng dụng; phát triển công nghệ và giải pháp kinh tế - xã hội; sản xuất thử nghiệm; ứng dụng, chuyển giao công nghệ; đổi mới sáng tạo; khởi nghiệp sáng tạo; cung cấp dịch vụ KHCN&ĐMST cùng các hoạt động sáng kiến, cải tiến kỹ thuật và sáng tạo tri thức liên quan khác.

2. *Hệ sinh thái khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo của Trường Đại học Điện lực* là tổng thể các chủ thể, nguồn lực, cơ chế, chính sách, hạ tầng, dữ liệu và các mối liên kết trong và ngoài Nhà trường nhằm thúc đẩy hoạt động nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển giao công nghệ, thương mại hóa kết quả nghiên cứu và khởi nghiệp sáng tạo.

2. *Nhiệm vụ KHCN&ĐMST* là hình thức tổ chức công việc để giải quyết các vấn đề về KHCN&ĐMST đáp ứng yêu cầu thực tiễn phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh, phát triển KHCN&ĐMST.

3. *Đề tài KHCN&ĐMST* là nhiệm vụ KHCN&ĐMST được tổ chức thực hiện theo mục tiêu xác định, nhằm tạo ra tri thức mới, công nghệ, giải pháp, sản phẩm hoặc sáng kiến có giá trị khoa học và thực tiễn; bao gồm các hoạt động nghiên cứu cơ bản, nghiên cứu ứng dụng, phát triển công nghệ và giải pháp xã hội, sản xuất thử nghiệm, ứng dụng, chuyển giao công nghệ và các hoạt động đổi

mới sáng tạo khác theo quy định của pháp luật.

4. *Hợp đồng KHCN&ĐMST* là hợp đồng giao thực hiện nhiệm vụ KHCN&ĐMST, trong đó xác lập quyền và nghĩa vụ của các bên trong quá trình thực hiện.

5. *Công trình KHCN&ĐMST* là tập hợp các hoạt động, nhiệm vụ, cụm hoặc chuỗi nhiệm vụ, được thực hiện nhằm giải quyết các vấn đề về KHCN&ĐMST, tạo ra kết quả, hiệu quả cụ thể, đáp ứng yêu cầu thực tiễn phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh.

6. *Tác giả* là người trực tiếp đóng góp vào nội dung KHCN&ĐMST của công trình; trong trường hợp có hai người trở lên cùng trực tiếp sáng tạo ra công trình thì họ là đồng tác giả.

7. *Công bố công trình KHCN&ĐMST* là việc đưa công trình ra trước công chúng qua các kênh thông tin chính thống dưới dạng xuất bản, thuyết trình, trưng bày, trình diễn và các hình thức khác theo quy định.

8. *Nhiệm vụ đổi mới sáng tạo* là hình thức tổ chức công việc để tạo ra sản phẩm mới, dịch vụ mới, quy trình mới, mô hình kinh doanh mới hoặc cải tiến đáng kể so với sản phẩm, dịch vụ, quy trình, mô hình kinh doanh đã có.

9. *Hội nghị, hội thảo, tọa đàm khoa học* là một hoạt động mang tính học thuật, nơi các nhà khoa học, chuyên gia và học giả cùng gặp gỡ để chia sẻ kết quả nghiên cứu, trình bày các phát hiện mới và trao đổi quan điểm chuyên môn trong nhiều lĩnh vực khác nhau.

10. *Nhóm nghiên cứu* là tập thể nhà khoa học từ 03 người trở lên, hợp tác triển khai hoạt động nghiên cứu, đào tạo chung nhằm mục tiêu nâng cao năng lực khoa học và công nghệ của cơ sở giáo dục đại học.

11. *Nhóm nghiên cứu tiềm năng* là tập hợp giảng viên, người học, nhà khoa học, nghiên cứu viên, chuyên gia trong và ngoài nước có định hướng chuyên môn và mục tiêu nghiên cứu chung, nhằm tạo ra sản phẩm khoa học, công nghệ mới, đồng thời phát triển năng lực nghiên cứu và đào tạo nhân lực chất lượng cao.

12. *Nhóm nghiên cứu mạnh* là tập hợp giảng viên, người học, nhà khoa học, nghiên cứu viên, chuyên gia trong và ngoài nước có năng lực nghiên cứu, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo ở trình độ cao theo một số định hướng chuyên sâu phù hợp với thế mạnh của Nhà trường, được công nhận trong nước hoặc quốc tế về uy tín học thuật, được hình thành nhằm tạo ra kết quả khoa học, công nghệ, sở hữu trí tuệ và chuyển giao có giá trị, đồng thời đóng góp cho đào tạo nhân lực

trình độ cao và phát triển kinh tế - xã hội.

13. *Liêm chính khoa học* là các yêu cầu về sự ngay thẳng, trung thực, trách nhiệm, công bằng và minh bạch trong hoạt động nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ của cá nhân hoạt động khoa học và công nghệ.

14. *Quyền sở hữu trí tuệ* là quyền của tổ chức, cá nhân đối với tài sản trí tuệ do mình sáng tạo ra hoặc sở hữu hợp pháp, bao gồm quyền tác giả và quyền liên quan đến quyền tác giả, quyền sở hữu công nghiệp và quyền đối với giống cây trồng theo quy định của pháp luật về sở hữu trí tuệ.

15. *Tài sản trí tuệ* là các kết quả của hoạt động sáng tạo, nghiên cứu, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo có khả năng được bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ hoặc được khai thác thương mại theo quy định của pháp luật, bao gồm nhưng không giới hạn ở sáng chế, giải pháp hữu ích, kiểu dáng công nghiệp, nhãn hiệu, bí mật kinh doanh, phần mềm máy tính, cơ sở dữ liệu, tác phẩm khoa học, kết quả nghiên cứu, quy trình công nghệ, thiết kế kỹ thuật và các đối tượng sở hữu trí tuệ khác.

16. *Hệ sinh thái KHCN&ĐMST của Trường Đại học Điện lực* là môi trường liên kết, tương tác và hỗ trợ lẫn nhau giữa con người, tổ chức, nguồn lực, hạ tầng, dữ liệu, cơ chế chính sách và các đối tác trong và ngoài Nhà trường nhằm thúc đẩy nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển giao công nghệ, thương mại hóa kết quả nghiên cứu, hình thành doanh nghiệp khởi nguồn (spin-off) và nâng cao năng lực cạnh tranh, uy tín học thuật của Nhà trường.

Điều 3. Nguyên tắc quản lý hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo

1. Bảo đảm sự lãnh đạo thống nhất của Nhà trường đối với hoạt động KHCN&ĐMST; đồng thời phân cấp, phân quyền gắn với trách nhiệm giải trình của các đơn vị và cá nhân theo quy định.

2. Bám sát chiến lược phát triển của Trường, định hướng của Bộ Công Thương, chiến lược phát triển KHCN&ĐMST quốc gia; phục vụ yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh và hội nhập quốc tế.

3. Tôn trọng quyền tự chủ học thuật, quyền sáng tạo của giảng viên, nhà khoa học và người học; khuyến khích tinh thần đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp; bảo đảm môi trường nghiên cứu công bằng, minh bạch và cạnh tranh lành mạnh.

4. Gắn kết chặt chẽ giữa nghiên cứu cơ bản, nghiên cứu ứng dụng, phát triển công nghệ với đào tạo nguồn nhân lực trình độ cao; giữa nghiên cứu lý luận và tổng kết thực tiễn; giữa nghiên cứu, chuyển giao công nghệ và thương mại hóa kết quả nghiên cứu.

5. Bảo đảm tuân thủ các nguyên tắc về liêm chính khoa học, đạo đức nghiên cứu; bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ; thực hiện cơ chế chia sẻ lợi ích từ kết quả nghiên cứu theo quy định của pháp luật và của Trường; đồng thời bảo đảm công khai, minh bạch trong tuyển chọn, giao nhiệm vụ, nghiệm thu, đánh giá kết quả và sử dụng kinh phí KHCN&ĐMST.

6. Bảo đảm an toàn con người, tài sản, an ninh thông tin, bảo vệ môi trường và phát triển bền vững trong quá trình thực hiện nhiệm vụ KHCN&ĐMST.

7. Áp dụng cơ chế quản trị rủi ro phù hợp với đặc thù của hoạt động KHCN&ĐMST; khuyến khích nghiên cứu, thử nghiệm và đổi mới sáng tạo trên cơ sở nhận diện, đánh giá và kiểm soát rủi ro theo quy định.

8. Tuân thủ đầy đủ các quy định của pháp luật hiện hành về KHCN&ĐMST, giáo dục đại học, sở hữu trí tuệ, chuyển giao công nghệ và các quy định có liên quan.

Điều 4. Khối lượng thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo

1. Viên chức và người lao động (sau đây viết tắt là VC, NLĐ) trong Trường có trách nhiệm tham gia các hoạt động KHCN&ĐMST theo quy định của pháp luật, của Bộ Giáo dục và Đào tạo và của Nhà trường.

2. Khối lượng hoạt động KHCN&ĐMST của VC, NLĐ được xác định dựa trên:

a) Nhiệm vụ KHCN&ĐMST đã thực hiện;

b) Kết quả KHCN&ĐMST đạt được;

c) Mức độ đóng góp và vai trò của cá nhân.

3. Nhà trường thực hiện việc ghi nhận khối lượng hoạt động KHCN&ĐMST của viên chức, người lao động theo năm/năm học để làm cơ sở phục vụ công tác đánh giá, xếp loại và thực hiện chế độ, chính sách.

4. Khối lượng hoạt động KHCN&ĐMST được quy đổi thành đơn vị tương đương phục vụ quản lý nội bộ. Việc quy đổi tuân thủ các nguyên tắc:

a) Phù hợp với đặc thù hoạt động KHCN&ĐMST;

b) Gắn với chất lượng và hiệu quả kết quả nghiên cứu;

c) Bảo đảm công bằng, minh bạch và khuyến khích các kết quả có giá trị cao.

5. VC, NLĐ có trách nhiệm kê khai và cung cấp đầy đủ, chính xác, đúng hạn thông tin, minh chứng về hoạt động KHCN&ĐMST đã thực hiện theo quy

định và yêu cầu của Nhà trường.

6. Phòng Quản lý khoa học và Hợp tác quốc tế (QLKH&HTQT) chủ trì xây dựng, trình Hiệu trưởng ban hành hướng dẫn cách quy đổi khối lượng KHCN&ĐMST, bao gồm danh mục các nhiệm vụ và trọng số quy đổi được ban hành riêng, có thể được điều chỉnh hằng năm phù hợp với yêu cầu quản lý và định hướng phát triển của Nhà trường.

Điều 5. Liêm chính khoa học, đạo đức nghề nghiệp trong hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo

1. Cá nhân, tập thể tham gia các hoạt động KHCN&ĐMST phải tuân thủ các quy định về đạo đức nghề nghiệp theo quy định hiện hành của Nhà nước và của Trường.

2. Trung thực, khách quan trong các hoạt động liên quan đến KHCN&ĐMST.

3. Tôn trọng quyền sở hữu, có trách nhiệm bảo mật đối với dữ liệu đã thu thập được theo quy định hiện hành; lưu trữ, bảo quản và chia sẻ hợp pháp dữ liệu với đồng nghiệp và với công chúng; tuân thủ các các quy định về công bố của nhà xuất bản, tổ chức tiếp nhận.

4. Không sử dụng danh nghĩa của bất cứ cá nhân, tổ chức nào trong các hoạt động liên quan đến KHCN&ĐMST mà không được sự đồng ý của cá nhân, tổ chức đó. Khách quan, ghi nhận sự đóng góp của cá nhân, tổ chức khác trong các công trình nghiên cứu khoa học. Tôn trọng quyền tác giả trong hoạt động công bố.

5. Tự thoả thuận về việc đứng tên đối với công trình khoa học giữa các đồng tác giả; tôn trọng và tuân thủ các quy định, điều khoản trong hợp đồng đã ký kết.

6. Hiệu trưởng ban hành quy định chi tiết về liêm chính khoa học và đạo đức nghiên cứu áp dụng trong toàn Trường.

CHƯƠNG II. ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN, KẾ HOẠCH KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ VÀ ĐỔI MỚI SÁNG TẠO

Điều 6. Định hướng phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo

1. Định hướng phát triển KHCN&ĐMST được xây dựng dựa trên cơ sở: chiến lược phát triển của Trường; chiến lược phát triển KHCN&ĐMST của Bộ Công Thương, Bộ Khoa học và Công nghệ, cũng như nhu cầu phát triển kinh tế -

xã hội, xu hướng công nghệ toàn cầu và yêu cầu thực tiễn của đất nước.

2. Định hướng phát triển KHCN&ĐMST là căn cứ để:

a) Xác định các hướng nghiên cứu trọng điểm, lĩnh vực ưu tiên;

b) Xây dựng danh mục nhiệm vụ KHCN&ĐMST hằng năm và 5 năm;

c) Phân bổ nguồn lực đầu tư, phát triển tiềm lực khoa học, công nghệ và hệ sinh thái đổi mới sáng tạo của Nhà trường.

3. Hoạt động KHCN&ĐMST được thực hiện trên cơ sở chấp nhận rủi ro trong nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo theo quy định của pháp luật; việc đánh giá kết quả nhiệm vụ được căn cứ chủ yếu vào mục tiêu, nội dung, sản phẩm và mức độ hoàn thành nhiệm vụ đã được phê duyệt.

4. Định hướng phát triển KHCN&ĐMST được rà soát, cập nhật hàng năm, định kỳ (05 năm/lần), theo yêu cầu của Hiệu trưởng hoặc khi có sự thay đổi lớn về chiến lược của cấp trên.

Điều 7. Xây dựng và điều chỉnh kế hoạch khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo

1. Kế hoạch KHCN&ĐMST (bao gồm kế hoạch hằng năm và 5 năm) được xây dựng dựa trên: định hướng phát triển KHCN&ĐMST của Trường; định hướng, mục tiêu và kế hoạch phát triển của Bộ Công Thương, Bộ Khoa học và Công nghệ; chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của đất nước theo từng giai đoạn; đề xuất từ các đơn vị và nhu cầu thực tiễn của doanh nghiệp.

2. Kế hoạch KHCN&ĐMST là căn cứ để: tổ chức triển khai, theo dõi, kiểm tra và đánh giá kết quả thực hiện các nhiệm vụ; phân bổ và sử dụng các nguồn lực (tài chính, con người, cơ sở vật chất...) của Nhà trường; đánh giá và xếp loại mức độ hoàn thành nhiệm vụ của các cá nhân và đơn vị.

3. Kế hoạch KHCN&ĐMST có thể được điều chỉnh trong quá trình thực hiện phù hợp với yêu cầu của các cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền, yêu cầu thực tiễn và nguồn lực của Nhà trường.

4. Nội dung kế hoạch KHCN&ĐMST bao gồm các danh mục nhiệm vụ trọng tâm, giải pháp thực hiện và nguồn lực thực hiện phù hợp với chiến lược và định hướng phát triển của Nhà trường.

Điều 8. Tổ chức thực hiện kế hoạch khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo

1. Các đơn vị thuộc Trường có trách nhiệm xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch KHCN&ĐMST theo chức năng, nhiệm vụ được giao.

2. Việc thực hiện kế hoạch KHCN&ĐMST được gắn với:

- Trách nhiệm của người đứng đầu đơn vị;

- Kết quả thực hiện nhiệm vụ KHCN&ĐMST của cá nhân và tập thể.

3. Nhà trường tổ chức theo dõi, kiểm tra và đánh giá việc thực hiện kế hoạch KHCN&ĐMST trên cơ sở kết quả đầu ra, hiệu quả và tác động của các nhiệm vụ theo quy định .

4. Căn cứ quy định chức năng và nhiệm vụ, đơn vị được giao quản lý, theo dõi các hoạt động KHCN&ĐMST có trách nhiệm tham mưu, tổ chức triển khai, theo dõi, tổng hợp và đánh giá việc thực hiện kế hoạch KHCN&ĐMST của Nhà trường.

Điều 9. Thông tin khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo

1. Nhà trường xây dựng, vận hành và phát triển hệ thống thông tin KHCN&ĐMST nhằm: quản lý toàn diện hoạt động, theo dõi, đánh giá và thống kê; hỗ trợ ra quyết định và hoạch định chính sách, định hướng phát triển; kết nối, chia sẻ dữ liệu với các hệ thống thông tin khoa học và công nghệ quốc gia theo quy định của pháp luật.

2. Thông tin, dữ liệu về KHCN&ĐMST được thu thập, cập nhật, lưu trữ và khai thác theo quy định của pháp luật và của Nhà trường.

3. Các đơn vị và cá nhân có trách nhiệm kê khai, cung cấp đầy đủ, kịp thời và chính xác thông tin phục vụ công tác quản lý và thống kê theo quy định.

4. Thông tin về kế hoạch và kết quả hoạt động KHCN&ĐMST được công khai theo quy định của pháp luật và của Nhà trường.

CHƯƠNG III. TRIỂN KHAI HOẠT ĐỘNG KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ VÀ ĐỔI MỚI SÁNG TẠO

Điều 10. Nội dung hoạt động khoa học và công nghệ và đổi mới sáng tạo

1. Hoạt động KHCN&ĐMST của Nhà trường bao quát toàn bộ các quá trình từ nghiên cứu, phát triển, ứng dụng, chuyển giao công nghệ cho đến đổi mới sáng tạo nhằm mục tiêu kiến tạo tri thức mới, làm chủ công nghệ tiên tiến, tạo ra sản phẩm chất lượng cao và đóng góp các giá trị kinh tế - xã hội thiết thực.

2. Nội dung hoạt động KHCN&ĐMST của Nhà trường gồm các nhóm hoạt động chủ yếu sau đây:

a) Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ: Tổ chức thực hiện các nhiệm vụ KHCN&ĐMST các cấp theo các phương thức đặt hàng, tuyển chọn hoặc giao trực tiếp theo quy định của pháp luật; triển khai đồng bộ các hoạt động nghiên cứu cơ bản, nghiên cứu ứng dụng, phát triển công nghệ và giải pháp kỹ thuật, công nghệ, giải pháp kinh tế - xã hội; hướng tới mục tiêu tạo ra tri thức mới, giải pháp kỹ thuật, công nghệ và các sản phẩm có giá trị khoa học;

b) Đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp: Nghiên cứu và phát triển các giải pháp đổi mới sáng tạo trong công tác đào tạo, quản trị đại học và sản xuất thực tiễn; thiết lập cơ chế hỗ trợ nhằm hình thành, nuôi dưỡng các ý tưởng, dự án khởi nghiệp sáng tạo của VC, NLĐ và người học; tổ chức vận hành hiệu quả các hoạt động ươm tạo công nghệ, thử nghiệm và phát triển các mô hình đổi mới sáng tạo; xây dựng, phát triển hệ sinh thái đổi mới sáng tạo bền vững;

c) Ứng dụng, chuyển giao công nghệ và thương mại hóa kết quả nghiên cứu: Thúc đẩy việc đưa các kết quả nghiên cứu khoa học ứng dụng vào thực tiễn; triển khai các hoạt động chuyển giao công nghệ, khai thác quyền sở hữu trí tuệ và thương mại hóa các kết quả KHCN&ĐMST ra thị trường; tổ chức thực hiện các dịch vụ khoa học và công nghệ theo đúng các quy định pháp luật hiện hành;

d) Công bố và phổ biến tri thức khoa học: Thực hiện công bố kết quả nghiên cứu khoa học trên các hệ thống tạp chí, ấn phẩm uy tín trong nước và quốc tế; chủ trì hoặc phối hợp tổ chức và tham gia các hội nghị, hội thảo khoa học các cấp; phát triển đa dạng các ấn phẩm khoa học, sách chuyên khảo, giáo trình và tài liệu học thuật hợp pháp;

đ) Phát triển tiềm lực khoa học và công nghệ: Xây dựng quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực nghiên cứu chuyên môn và áp dụng các chính sách thu hút nhân lực chất lượng cao, phát triển các nhóm nghiên cứu; đầu tư hiện đại hóa cơ sở vật chất, hệ thống phòng thí nghiệm và trang thiết bị kỹ thuật chuyên sâu phục vụ trực tiếp cho công tác nghiên cứu;

e) Phát triển dữ liệu, hạ tầng số và chuyển đổi số trong hoạt động KHCN&ĐMST: xây dựng, quản lý, khai thác và chia sẻ cơ sở dữ liệu khoa học và công nghệ; phát triển các nền tảng số phục vụ nghiên cứu, đổi mới sáng tạo và quản trị hoạt động KHCN&ĐMST;

g) Phát triển hệ sinh thái KHCN&ĐMST: xây dựng và phát triển môi trường liên kết giữa nghiên cứu, đào tạo, chuyển giao công nghệ, doanh nghiệp, nhà đầu tư, tổ chức hỗ trợ đổi mới sáng tạo và người học nhằm thúc đẩy thương mại hóa kết quả nghiên cứu và khởi nghiệp sáng tạo;

e) Hợp tác và hội nhập quốc tế: Đẩy mạnh liên kết nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ với các đối tác trong và ngoài nước; chủ động tham gia vào các mạng lưới khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo khu vực cũng như toàn cầu; tạo điều kiện cho VC, NLĐ tham gia các hoạt động KHCN&ĐMST ngoài Nhà trường theo quy định của pháp luật;

g) Quản trị hệ thống thông tin, dữ liệu và thống kê khoa học: Đầu tư xây dựng, vận hành và khai thác hiệu quả hệ thống thông tin dữ liệu KHCN&ĐMST; tổ chức thu thập, lưu trữ, phân tích các chỉ số thống kê phục vụ tối ưu cho công tác quản lý, giám sát và đánh giá chất lượng hoạt động khoa học của toàn Trường;

h) Các hoạt động hỗ trợ và thúc đẩy phát triển KHCN&ĐMST: Xây dựng, triển khai các cơ chế khuyến khích, tôn vinh, khen thưởng; hỗ trợ phát triển nguồn nhân lực, nhóm nghiên cứu, hệ sinh thái đổi mới sáng tạo và các hoạt động khác nhằm thúc đẩy phát triển KHCN&ĐMST của Nhà trường;

l) Các hoạt động KHCN&ĐMST khác theo quy định của pháp luật và theo quyết định của Hiệu trưởng phù hợp với chiến lược phát triển, chức năng, nhiệm vụ của Nhà trường.

Điều 11. Nguyên tắc triển khai hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo

1. Hoạt động KHCN&ĐMST được triển khai phù hợp với chiến lược, kế hoạch phát triển của Nhà trường.

2. Bảo đảm gắn kết giữa nghiên cứu KHCN&ĐMST, đào tạo và phục vụ cộng đồng.

3. Khuyến khích tạo ra kết quả có giá trị khoa học, công nghệ, khả năng ứng dụng hoặc thương mại hóa.

4. Tăng cường hợp tác trong nước và quốc tế; khuyến khích sự tham gia của doanh nghiệp trong hoạt động KHCN&ĐMST.

5. Bảo đảm quyền tự chủ học thuật của cá nhân, đơn vị gắn với trách nhiệm giải trình và hiệu quả đầu ra.

Điều 12. Tổ chức hoạt động nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ

1. Hoạt động nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ được tổ chức thông qua các nhiệm vụ KHCN&ĐMST theo quy định của Nhà trường.

2. Khuyến khích hình thành và phát triển các nhóm nghiên cứu tiềm năng, nhóm nghiên cứu mạnh; tăng cường liên kết giữa các đơn vị trong và ngoài Nhà trường.

3. Hoạt động nghiên cứu được gắn với nhu cầu thực tiễn, định hướng phát triển ngành, lĩnh vực và yêu cầu của xã hội.

Điều 13. Các hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo

1. Phương thức tổ chức hoạt động KHCN&ĐMST:

a) Hoạt động nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ tại Trường được tổ chức thông qua việc quản lý, triển khai các nhiệm vụ KHCN&ĐMST theo đúng quy định của Nhà trường;

b) Nhà trường khuyến khích hình thành, phát triển các nhóm nghiên cứu tiềm năng, nhóm nghiên cứu mạnh; tăng cường liên kết giữa các đơn vị và với các đối tác ngoài Nhà trường;

c) Mọi hoạt động nghiên cứu phải gắn liền với nhu cầu thực tiễn, bám sát định hướng phát triển ngành, lĩnh vực và đáp ứng các yêu cầu của xã hội.

2. Hoạt động công bố và phổ biến tri thức khoa học:

a) Kết quả nghiên cứu khoa học của VC, NLĐ và người học được công bố dưới các hình thức phù hợp theo quy định của pháp luật và của Nhà trường;

b) Nhà trường khuyến khích công bố các kết quả nghiên cứu trên các Tạp chí khoa học có uy tín trong nước và quốc tế, cũng như báo cáo đăng trên kỷ yếu tại các hội nghị, hội thảo khoa học;

c) Việc công bố kết quả nghiên cứu phải bảo đảm tuyệt đối tính trung thực, minh bạch, tuân thủ nghiêm ngặt các quy định về đạo đức khoa học và liêm chính học thuật.

3. Hoạt động ứng dụng, chuyển giao và thương mại hóa:

a) Khuyến khích việc đưa kết quả nghiên cứu khoa học ứng dụng vào thực tiễn, góp phần nâng cao hiệu quả công tác đào tạo, phục vụ sản xuất, kinh doanh và quản lý;

b) Đẩy mạnh và khuyến khích các hoạt động chuyển giao công nghệ, chuyển giao quyền sở hữu trí tuệ và thương mại hóa các kết quả nghiên cứu, sản phẩm KH&CN có tiềm năng thị trường;

c) Tăng cường xúc tiến hợp tác với các doanh nghiệp, tổ chức kinh tế - xã hội trong và ngoài nước để đồng hành trong việc ứng dụng, thử nghiệm và phát triển các kết quả nghiên cứu vào thực tế.

4. Hoạt động đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp:

a) Khuyến khích và thúc đẩy việc phát triển các hoạt động đổi mới sáng tạo (ĐMST) trong công tác giảng dạy, nghiên cứu khoa học và quản trị đại học;

b) Thiết lập các cơ chế hỗ trợ để hình thành, nuôi dưỡng và phát triển các ý tưởng, dự án khởi nghiệp ĐMST của VC, NLĐ và người học;

c) Tổ chức các hoạt động ươm tạo, thử nghiệm công nghệ, phát triển các mô hình ĐMST theo đúng các quy định.

5. Hoạt động hợp tác và hội nhập khoa học, công nghệ:

a) Tăng cường và mở rộng hợp tác toàn diện với các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước nhằm nâng cao vị thế và hiệu quả của các hoạt động KHCN&ĐMST;

b) Khuyến khích VC, NLĐ tham gia các hoạt động KHCN&ĐMST bên ngoài Nhà trường nhằm nâng cao chuyên môn, tăng cường trao đổi học thuật theo quy định của pháp luật;

c) Mọi hoạt động hợp tác phải bảo đảm phù hợp với chiến lược phát triển, tôn trọng các nguyên tắc bảo mật và bảo vệ tối đa lợi ích hợp pháp của Nhà trường.

6. Hoạt động thông tin, dữ liệu khoa học và công nghệ

a) Nhà trường xây dựng, quản lý và phát triển hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu KHCN&ĐMST phục vụ công tác quản lý, nghiên cứu, đào tạo và hợp tác.

b) Các đơn vị, cá nhân có trách nhiệm cung cấp, cập nhật, lưu trữ và khai thác thông tin, dữ liệu KHCN&ĐMST theo quy định của Nhà trường.

c) Việc quản lý, chia sẻ và khai thác dữ liệu KHCN&ĐMST phải bảo đảm tính chính xác, đầy đủ, bảo mật và tuân thủ các quy định của pháp luật.

7. Các hoạt động KHCN&ĐMST khác không được nêu tại các khoản trên sẽ được thực hiện theo các quy định của pháp luật hiện hành và theo quyết định của Hiệu trưởng, bảo đảm phù hợp với chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của Nhà trường.

CHƯƠNG IV. TỔ CHỨC VÀ QUẢN LÝ NHIỆM VỤ KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ VÀ ĐỔI MỚI SÁNG TẠO

Điều 14. Phân loại nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo

1. Hoạt động KHCN&ĐMST của Trường được phân loại dựa trên cấp quản lý, nguồn kinh phí và quy mô của nhiệm vụ, bao gồm:

- Nhiệm vụ cấp Quốc gia, Bộ, Ngành và Địa phương: do Nhà nước, Bộ Công Thương, các Bộ, ngành và Ủy ban nhân dân các tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương giao, đặt hàng hoặc phê duyệt.

- Nhiệm vụ thực hiện thông qua hợp tác với các cơ sở đào tạo, tổ chức KH&CN, doanh nghiệp và cá nhân trong và ngoài nước.

- Nhiệm vụ cấp Trường (cấp cơ sở).

- Nhiệm vụ do đơn vị, cá nhân trong Trường tự đề xuất và thực hiện, nguồn kinh phí do đơn vị, cá nhân tự huy động hoặc từ các nguồn kinh phí hợp pháp khác.

2. Nhiệm vụ KHCN&ĐMST được thực hiện bởi:

- VC, NLĐ của Trường;

- Người học: sinh viên, học viên cao học, nghiên cứu sinh đang trong thời gian học tập, nghiên cứu của Trường.

- Các đối tác đến từ cơ sở giáo dục đào tạo, tổ chức KH&CN, doanh nghiệp và cá nhân trong và ngoài nước.

Điều 15. Quản lý nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo

1. Xác định, đề xuất và đăng ký nhiệm vụ KHCN&ĐMST:

a) Việc xác định các nhiệm vụ KHCN&ĐMST được thực hiện dựa trên:

- Sự phù hợp với chiến lược và kế hoạch phát triển KHCN&ĐMST tổng thể của Nhà trường trong từng giai đoạn.

- Việc bám sát nhu cầu thực tiễn và định hướng phát triển của ngành năng lượng cũng như các lĩnh vực kinh tế - xã hội liên quan.

- Sự tích hợp các ý tưởng, đề xuất sáng tạo từ các đơn vị, cá nhân và người học.

b) Nhiệm vụ KHCN&ĐMST có thể được hình thành theo các hình thức:

- Đặt hàng: Thông qua các đơn đặt hàng cụ thể từ Nhà nước, các Bộ; của Nhà trường; các ngành, địa phương hoặc doanh nghiệp đối tác.

- Đề xuất tự nguyện: Phát sinh từ sự chủ động đề xuất của các tổ chức và cá nhân trong Trường.

- Nhiệm vụ phát sinh: Hình thành từ các yêu cầu cấp thiết của thực tiễn hoạt động và nhu cầu phát triển của Nhà trường.

c) Mọi hoạt động đề xuất và đăng ký nhiệm vụ KHCN&ĐMST được thực

hiện theo các quy định, quy trình và biểu mẫu hiện hành của Nhà trường để đảm bảo tính minh bạch, công bằng và hiệu quả trong quản lý.

2. Việc lựa chọn tổ chức, cá nhân thực hiện nhiệm vụ KHCN&ĐMST tại Trường được thực hiện theo các hình thức: tuyển chọn, giao trực tiếp hoặc đặt hàng theo quy định của pháp luật.

Mọi quyết định lựa chọn, bất kể hình thức nào, đều phải đảm bảo sự phù hợp với: tính chất, quy mô của nhiệm vụ; năng lực chuyên môn, kinh nghiệm nghiên cứu và các điều kiện thực hiện (về nhân lực, trang thiết bị, tài chính) của tổ chức, cá nhân để đảm bảo tính khả thi và chất lượng của nhiệm vụ.

3. Tổ chức, cá nhân khi tham gia thực hiện nhiệm vụ KHCN&ĐMST phải đáp ứng các điều kiện:

a) Có năng lực chuyên môn, kinh nghiệm nghiên cứu phù hợp với lĩnh vực của nhiệm vụ (Nhà trường khuyến khích và tạo điều kiện cho người học tham gia hoặc chủ trì các nhiệm vụ KHCN&ĐMST; bảo đảm phù hợp với từng trình độ đào tạo, và có sự định hướng, hướng dẫn và giám sát trực tiếp từ giảng viên hoặc nhà khoa học có năng lực theo đúng các quy định hiện hành của Nhà trường);

b) Có khả năng quản lý và tổ chức thực hiện một cách khoa học, đúng tiến độ;

c) Có các điều kiện cơ sở vật chất, nhân lực và thời gian bảo đảm cho việc hoàn thành các nội dung nghiên cứu cũng như cam kết về sản phẩm của nhiệm vụ.

4. Yêu cầu đối với nhiệm vụ KHCN&ĐMST:

a) Các cấu phần bắt buộc của nhiệm vụ KHCN&ĐMST phải xác định rõ: mục tiêu nghiên cứu và nội dung triển khai chi tiết; các sản phẩm khoa học hoặc sản phẩm ứng dụng cụ thể; tiến độ thực hiện; các hiệu quả dự kiến mang lại về mặt khoa học, công nghệ và kinh tế - xã hội;

b) Nhà trường đặc biệt khuyến khích đối với nhiệm vụ KHCN&ĐMST có sản phẩm là: công bố kết quả nghiên cứu trên các tạp chí khoa học uy tín trong và ngoài nước; các nghiên cứu có tiềm năng tạo lập tài sản trí tuệ và được cấp bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích; các dự án có tính khả thi cao trong ứng dụng thực tiễn, chuyển giao công nghệ hoặc thương mại hóa sản phẩm; và đặc biệt là các nhiệm vụ gắn kết chặt chẽ với nhu cầu phát triển nội tại của Nhà trường cũng như thực tiễn phát triển của xã hội.

5. Điều chỉnh nhiệm vụ KHCN&ĐMST:

a) Trong quá trình triển khai thực hiện, nếu phát sinh các lý do chính đáng, nhiệm vụ KHCN&ĐMST có thể được Nhà trường xem xét và cho phép điều chỉnh

một hoặc một số nội dung so với thuyết minh đã được phê duyệt, bao gồm: tên nhiệm vụ; nội dung chi tiết trong thuyết minh đề cương; nhân sự thực hiện (bao gồm việc thay đổi chủ nhiệm nhiệm vụ hoặc bổ sung, thay thế các thành viên tham gia); tiến độ thực hiện; sản phẩm; kinh phí thực hiện; và việc gia hạn thời gian hoàn thành nhiệm vụ;

b) Việc điều chỉnh phải dựa trên những cơ sở khoa học rõ ràng, khách quan và hoàn toàn phù hợp với điều kiện thực tế phát sinh mà tại thời điểm phê duyệt chưa lường trước được, đồng thời các nội dung điều chỉnh tuyệt đối không được làm thay đổi mục tiêu chính ban đầu của nhiệm vụ đã được phê duyệt.

6. Đánh giá và nghiệm thu nhiệm vụ KHCN&ĐMST:

a) Mọi nhiệm vụ KHCN&ĐMST triển khai tại Nhà trường đều phải chịu sự giám sát thông qua việc kiểm tra, đánh giá và tiến hành nghiệm thu chính thức khi kết thúc. Toàn bộ các hoạt động này được thực hiện căn cứ dựa trên các điều khoản cam kết trong hợp đồng đã ký kết giữa các Bên;

b) Nội dung kiểm tra, đánh giá và nghiệm thu bao gồm: mức độ hoàn thành mục tiêu đề ra so với thuyết minh; chất lượng khoa học và số lượng sản phẩm đầu ra (bao gồm cả sản phẩm khoa học và sản phẩm ứng dụng); giá trị hiệu quả và khả năng ứng dụng, chuyển giao thực tế của kết quả nghiên cứu vào đời sống và phục vụ công tác đào tạo của Nhà trường;

c) Phương thức tổ chức kiểm tra, đánh giá, nghiệm thu và thanh lý hợp đồng thực hiện nhiệm vụ được quy định theo các cơ quan, bộ, ngành, địa phương hoặc doanh nghiệp bên ngoài đặt hàng (đối với nhiệm vụ các cấp ngoài Trường); và theo quy định cụ thể do Nhà trường ban hành (đối với nhiệm vụ cấp Trường);

d) Kết quả kiểm tra và đánh giá là cơ sở để Nhà trường sẽ xem xét việc tiếp tục triển khai thực hiện theo kế hoạch, quyết định điều chỉnh, bổ sung các nội dung cần thiết hoặc tiến hành dừng thực hiện và thanh lý nhiệm vụ trước thời hạn nếu chủ nhiệm nhiệm vụ không đảm bảo năng lực hoặc tiến độ cam kết.

7. Quản lý và sử dụng kết quả nhiệm vụ KHCN&ĐMST

a) Toàn bộ kết quả, sản phẩm và tài sản trí tuệ hình thành từ các nhiệm vụ KHCN&ĐMST triển khai tại Nhà trường phải được đưa vào hệ thống quản lý tập trung, tổ chức khai thác và sử dụng hiệu quả;

b) Tổ chức và cá nhân trực tiếp thực hiện nhiệm vụ KHCN&ĐMST có trách nhiệm giao nộp đầy đủ hồ sơ, lưu trữ dữ liệu thô và công bố kết quả nghiên cứu một cách trung thực, bảo đảm tuân thủ các quy định về quyền tác giả, quyền

sở hữu công nghiệp và các quyền liên quan đến sở hữu trí tuệ;

c) Nhà trường khuyến khích và tạo điều kiện thúc đẩy việc ứng dụng trực tiếp kết quả vào thực tiễn sản xuất, tiến hành chuyển giao công nghệ cho doanh nghiệp hoặc thương mại hóa các sản phẩm. Đồng thời, Nhà trường khuyến khích các nhóm nghiên cứu tiếp tục phát triển các kết quả đạt được thành đề cương cho các nhiệm vụ, đề tài hoặc dự án ở các cấp quản lý cao hơn.

Điều 16. Tạp chí Khoa học của Trường Đại học Điện lực

1. Tạp chí Khoa học và Công nghệ Năng lượng, Trường Đại học Điện lực (Sau đây gọi tắt là Tạp chí) là kênh công bố khoa học của Nhà trường. Tạp chí hoạt động theo nguyên tắc độc lập học thuật, liêm chính khoa học, khách quan; thực hiện cơ chế hội đồng biên tập và phản biện kín độc lập. Toàn bộ các hoạt động đăng ký, quản lý, đánh giá và xếp loại chất lượng khoa học của Tạp chí thực hiện theo các quy định pháp luật hiện hành về báo chí và xuất bản.

2. Căn cứ nhu cầu phát triển, năng lực đội ngũ và định hướng chiến lược, Nhà trường xem xét việc thành lập thêm tạp chí khoa học và/hoặc mở rộng lĩnh vực, phạm vi hoạt động của Tạp chí hiện có nhằm đáp ứng yêu cầu phát triển hệ sinh thái KHCN&ĐMST và đào tạo.

3. Nhà trường khuyến khích và hỗ trợ về tài chính, học thuật, kỹ thuật, đào tạo và phát triển nguồn nhân lực nhằm nâng cao chất lượng hoạt động của Tạp chí; thúc đẩy thu hút các nhà khoa học, chuyên gia đầu ngành trong và ngoài nước tham gia vào Hội đồng biên tập, thực hiện công tác phản biện và công bố khoa học, từng bước nâng cao uy tín học thuật và hướng tới đạt chuẩn quốc tế.

4. Hiệu trưởng ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Tạp chí trên cơ sở đề xuất của Tổng Biên tập.

Điều 17. Công bố kết quả nghiên cứu, khoa học và đổi mới sáng tạo

1. Các hình thức công bố kết quả NCKH&ĐMST

a) Bài báo khoa học đăng trên các tạp chí khoa học trong nước và quốc tế có phản biện khoa học; ưu tiên các tạp chí có uy tín học thuật, được lập chỉ mục trong các cơ sở dữ liệu khoa học có uy tín trong nước và quốc tế;

b) Báo cáo khoa học công bố tại hội nghị, hội thảo, diễn đàn khoa học trong nước và quốc tế có phản biện khoa học hoặc được xuất bản trong các ấn phẩm khoa học theo quy định.

c) Các công bố khoa học trên Tạp chí Khoa học và Công nghệ Năng lượng

của Trường Đại học Điện lực;

d) Sách chuyên khảo, giáo trình, sách tham khảo, chương sách khoa học trong nước và quốc tế và các xuất bản phẩm khoa học khác được xuất bản theo quy định của pháp luật;

đ) Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ KHCN&ĐMST;

e) Các đối tượng sở hữu trí tuệ và kết quả nghiên cứu được xác lập quyền bảo hộ, đăng ký hoặc công bố theo quy định của pháp luật;

g) Các hình thức công bố, phổ biến tri thức khoa học và kết quả nghiên cứu khác theo quy định của pháp luật.

2. Nguyên tắc công bố kết quả KHCN&ĐMST

a) Nhà trường khuyến khích các đơn vị, cá nhân công bố kết quả nghiên cứu KHCN&ĐMST trên các tạp chí, diễn đàn học thuật, hội nghị khoa học có uy tín trong nước và quốc tế; ưu tiên các công bố có chất lượng cao, có ảnh hưởng học thuật, khả năng ứng dụng thực tiễn hoặc tạo ra giá trị khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo. Việc công bố phải bảo đảm tuân thủ các quy định về liêm chính khoa học, đạo đức nghiên cứu, quyền tác giả, quyền sở hữu trí tuệ, chuyển giao công nghệ, bảo vệ dữ liệu, bảo mật thông tin và các quy định pháp luật có liên quan; đồng thời bảo đảm tính trung thực, nguyên gốc, khách quan và giá trị khoa học của kết quả nghiên cứu được công bố.

b) Các công bố khoa học, sản phẩm khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo hình thành từ nhiệm vụ KHCN&ĐMST do Trường Đại học Điện lực chủ trì, đồng chủ trì hoặc tài trợ toàn bộ hay một phần kinh phí phải ghi nhận tên "Trường Đại học Điện lực" (tiếng Anh: "Electric Power University"). Trường hợp công bố là kết quả hoạt động của nhóm nghiên cứu được Nhà trường công nhận thì việc ghi nhận tên nhóm nghiên cứu được thực hiện theo quy định của Nhà trường.

Điều 18. Quy định chi tiết và tổ chức thực hiện

Hiệu trưởng ban hành các văn bản hướng dẫn quy định chi tiết và biểu mẫu triển khai đối với toàn bộ các nội dung thuộc quy trình từ khâu đăng ký, tuyển chọn, quản lý hợp đồng, định mức chi tiêu tài chính, quy trình nghiệm thu nhiệm vụ cấp cơ sở, tiêu chí quy đổi giờ nghiên cứu khoa học hàng năm, cùng quy chế tổ chức chi tiết của Tạp chí Khoa học và Công nghệ Năng lượng áp dụng thống nhất trong toàn Trường.

CHƯƠNG V. HOẠT ĐỘNG SỞ HỮU TRÍ TUỆ, CHUYỂN GIAO VÀ THƯƠNG MẠI HÓA

Điều 19. Phạm vi và nguyên tắc quản lý hoạt động sở hữu trí tuệ

1. Nhà trường khuyến khích hoạt động nghiên cứu, sáng tạo và phát triển các tài sản trí tuệ trong toàn Trường. Đồng thời, tạo điều kiện để thúc đẩy quá trình xác lập quyền, khai thác thương mại, chuyển giao công nghệ cho đến bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ (SHTT) hợp pháp của Nhà trường cũng như của các đơn vị, cá nhân có liên quan trong các hoạt động KHCN&ĐMST và đào tạo của Trường.

2. Hoạt động SHTT, chuyển giao và thương mại hóa trong Trường bao gồm:

a) Phát hiện, xác lập quyền, bảo hộ và quản lý tài sản trí tuệ (TSTT);

b) Khai thác, chuyển giao, ứng dụng và thương mại hóa các kết quả KHCN&ĐMST ra thị trường;

c) Hỗ trợ kết nối doanh nghiệp, tổ chức trung gian, nhà đầu tư và các chủ thể liên quan để thúc đẩy quá trình ứng dụng, chuyển giao và thương mại hóa kết quả nghiên cứu

3. Hoạt động SHTT được thực hiện theo các nguyên tắc cơ bản sau:

a) Gắn với mục tiêu tạo ra các giá trị khoa học, công nghệ đột phá và mang lại hiệu quả kinh tế - xã hội;

b) Bảo đảm sự hài hòa, công bằng về mặt lợi ích giữa Nhà trường, tác giả sáng chế và các bên liên quan;

c) Tuân thủ các quy định của pháp luật về SHTT, chuyển giao công nghệ cùng các quy định có liên quan;

d) Bảo đảm công khai, minh bạch và hiệu quả trong quản lý, khai thác TSTT;

đ) Kiểm tra, giám sát việc thực hiện quyền SHTT trong Nhà trường nhằm kịp thời phát hiện, xử lý các hành vi xâm phạm hoặc tranh chấp phát sinh.

Điều 20. Khai báo, quản lý tài sản trí tuệ

1. Toàn bộ các TSTT được hình thành từ kết quả triển khai hoạt động KHCN&ĐMST của Trường phải được phát hiện, khai báo kịp thời và tổ chức ghi nhận chính thức theo đúng quy định hiện hành.

2. Các đơn vị, cá nhân thuộc/trực thuộc Trường, cùng các tổ chức và cá nhân khác có liên quan trực tiếp đến hoạt động SHTT của Nhà trường có trách nhiệm:

a) Chủ động thông báo kịp thời bằng văn bản các kết quả nghiên cứu, giải pháp kỹ thuật hoặc sáng kiến có khả năng được bảo hộ quyền SHTT trước khi tiến hành công bố rộng rãi ra công chúng.

b) Phối hợp, cung cấp đầy đủ thông tin và hồ sơ kỹ thuật theo yêu cầu của Nhà trường trong suốt quá trình chuẩn bị, nộp hồ sơ và thực hiện các thủ tục pháp lý để xác lập quyền SHTT.

3. Nhà trường tổ chức việc ghi nhận, theo dõi và quản lý TSTT; đồng thời hỗ trợ đăng ký bảo hộ và khai thác TSTT theo đúng quy định nội bộ của Nhà trường và pháp luật hiện hành của Nhà nước.

Điều 21. Xác định quyền sở hữu và quyền công bố đối với tài sản trí tuệ

1. TSTT thuộc phạm vi quản lý của Nhà trường bao gồm:

a) TSTT hình thành từ nhiệm vụ KHCN&ĐMST do Nhà trường quản lý hoặc sử dụng ngân sách của Nhà trường;

b) TSTT được tạo ra từ việc sử dụng cơ sở vật chất, trang thiết bị, nguồn lực của Nhà trường;

c) TSTT được hình thành theo hợp đồng, thỏa thuận mà Nhà trường là một bên tham gia.

2. Quyền sở hữu đối với tài sản trí tuệ được xác định trên cơ sở:

a) Hệ thống các quy định pháp luật hiện hành của Nhà nước về SHTT;

b) Tỷ lệ đóng góp thực tế về mặt tài chính, cơ sở vật chất, năng lực chuyên môn, công sức nghiên cứu và các nguồn lực liên quan khác của các bên liên quan;

c) Các điều khoản thỏa thuận, cam kết bằng văn bản được ký kết hợp pháp giữa Nhà trường với các tổ chức, cá nhân có liên quan.

3. Quyền công bố đối với TSTT là kết quả nghiên cứu được tạo ra trong hoạt động của Trường Đại học Điện lực thuộc về Nhà trường, không phụ thuộc vào tỷ lệ đóng góp nguồn lực tạo ra TSTT, trừ trường hợp các bên tham gia có thỏa thuận khác, và việc công bố không được làm ảnh hưởng đến khả năng khai thác thương mại TSTT của chủ sở hữu; tuân thủ quy định về bảo mật thông tin và quyền SHTT. Trong trường hợp Trường không thực hiện việc công bố, tác giả hoặc đồng tác giả có nhu cầu công bố phải gửi đề nghị về đơn vị có chức năng quản lý, tham mưu về lĩnh vực SHTT để trình Hiệu trưởng xem xét, phê duyệt.

4. Bảo mật thông tin: toàn bộ nội dung, quy trình và chế độ bảo mật thông tin liên quan đến TSTT chưa công bố phải được các đơn vị và cá nhân thực hiện

theo quy định pháp luật của Nhà nước và của Trường.

5. Hiệu trưởng quy định chi tiết việc xác định quyền sở hữu, tỷ lệ phân chia quyền lợi và trình tự, thủ tục hồ sơ để xử lý, giải quyết đối với từng trường hợp phát sinh cụ thể trong toàn Trường.

Điều 22. Chuyển giao công nghệ và tài sản trí tuệ

1. Nhà trường khuyến khích và tạo điều kiện thuận lợi cho việc chuyển giao công nghệ, chuyển giao quyền sở hữu hoặc quyền sử dụng TSTT hợp pháp của Trường cho các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước nhằm tối ưu hóa hiệu quả ứng dụng tri thức vào thực tiễn.

2. Việc chuyển giao được thực hiện một cách chính thức thông qua Hợp đồng chuyển giao công nghệ, Hợp đồng chuyển giao quyền SHTT hoặc các hình thức hợp tác, liên doanh, liên kết khác phù hợp với quy định hiện hành của pháp luật.

3. Mọi nội dung và điều khoản trong quá trình chuyển giao phải bảo đảm tuân thủ theo quy định pháp luật hiện hành, bảo vệ toàn diện quyền và lợi ích hợp pháp của các bên, đồng thời phải gắn liền với nhu cầu thực tiễn của thị trường và khả năng ứng dụng thực tế của công nghệ.

4. Nhà trường khuyến khích việc góp vốn bằng TSTT, công nghệ, bí quyết kỹ thuật và kết quả nghiên cứu khoa học theo quy định của pháp luật để thành lập doanh nghiệp khoa học và công nghệ, doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo (spin-off) hoặc các hình thức hợp tác khác.

Điều 23. Thương mại hóa kết quả nghiên cứu

1. Nhà trường khuyến khích và hỗ trợ thương mại hóa kết quả KHCN&ĐMST thông qua các hình thức bao gồm: ứng dụng trực tiếp kết quả vào hoạt động sản xuất, kinh doanh và quản lý; thực hiện chuyển giao công nghệ và quyền SHTT; sử dụng tài sản trí tuệ để góp vốn kinh doanh; chủ trì hoặc phối hợp thành lập các doanh nghiệp khoa học và công nghệ, doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo (spin-off); cùng các hình thức khai thác thương mại hợp pháp khác theo quy định.

2. Nhà trường tạo điều kiện kết nối hệ thống doanh nghiệp, tổ chức và các nhà đầu tư; hỗ trợ để hoàn thiện công nghệ, phát triển sản phẩm; đồng thời tổ chức và duy trì hiệu quả các hoạt động ươm tạo công nghệ, thúc đẩy tinh thần khởi nghiệp đổi mới sáng tạo trong toàn Trường.

3. Nhà trường khuyến khích các hình thức hợp tác đầu tư, ứng dụng, chuyển

giao và khai thác công nghệ trên cơ sở chia sẻ lợi ích, chia sẻ rủi ro giữa Nhà trường với doanh nghiệp, tổ chức và cá nhân theo quy định của pháp luật; việc xác định quyền, nghĩa vụ, cơ chế hoàn vốn và phân chia lợi ích được thực hiện thông qua hợp đồng hoặc thỏa thuận hợp tác giữa các bên.

4. Nhà trường được tổ chức hoặc thuê tổ chức có chức năng thực hiện hoạt động định giá công nghệ, TSTT và kết quả nghiên cứu phục vụ chuyển giao công nghệ, thương mại hóa và phân chia lợi ích.

5. Hiệu trưởng ban hành quy định về Quản lý, khai thác TSTT, kết quả nghiên cứu, chuyển giao công nghệ áp dụng trong toàn Trường

Điều 24. Định giá và phân chia lợi ích từ khai thác tài sản trí tuệ

1. Trước khi tiến hành các hoạt động chuyển giao, góp vốn hoặc thương mại hóa, các TSTT và kết quả nghiên cứu phải được tổ chức định giá một cách khoa học. Việc định giá được thực hiện tuân thủ theo các quy định của pháp luật về giá, tiêu chuẩn thẩm định giá tài sản vô hình và lựa chọn các phương pháp tiếp cận phù hợp với đặc thù của từng loại hình TSTT cụ thể.

2. Toàn bộ nguồn thu nhập và lợi ích kinh tế hợp pháp thu được từ việc khai thác, chuyển giao, thương mại hóa TSTT sau khi thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ tài chính với Nhà nước sẽ được phân chia hợp lý giữa Nhà trường, tác giả (hoặc nhóm tác giả) và các bên liên quan.

3. Quy trình phân chia lợi ích phải đảm bảo các nguyên tắc công khai, minh bạch, công bằng; hoàn toàn phù hợp với mức độ đóng góp thực tế của các bên và đóng vai trò là đòn bẩy kinh tế nhằm khuyến khích, tái đầu tư cho các hoạt động nghiên cứu khoa học, đổi mới sáng tạo và thương mại hóa tiếp theo.

Điều 25. Quản lý và công nhận sáng kiến, sáng kiến kinh nghiệm

1. Nhà trường khuyến khích VC, NLĐ và người học tích cực nghiên cứu, sáng tạo và áp dụng các sáng kiến kinh nghiệm (bao gồm các giải pháp kỹ thuật, giải pháp quản lý, giải pháp tác nghiệp hoặc giải pháp ứng dụng tiến bộ kỹ thuật) nhằm nâng cao chất lượng đào tạo, hiệu quả nghiên cứu khoa học và tối ưu hóa công tác quản trị hành chính của Trường. Một giải pháp được xem xét công nhận là sáng kiến kinh nghiệm cấp cơ sở khi đáp ứng đầy đủ ba điều kiện bắt buộc: có tính mới trong phạm vi Nhà trường; đã được áp dụng hiệu quả hoặc áp dụng thử nghiệm thành công tại Trường; và mang lại lợi ích thiết thực về mặt kinh tế - xã hội hoặc hiệu quả quản lý nội bộ.

2. Sáng kiến kinh nghiệm sau khi được Hiệu trưởng ra quyết định công

nhận chính thức sẽ được tổ chức nhân rộng áp dụng trong toàn Trường. Kết quả công nhận sáng kiến kinh nghiệm là căn cứ pháp lý để Nhà trường thực hiện việc tính quy đổi khối lượng giờ nghiên cứu khoa học, chi trả thù lao khuyến khích và là tiêu chuẩn bắt buộc để xét duyệt các danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng hàng năm theo quy định.

3. Hiệu trưởng ban hành quy định riêng về công tác sáng kiến, sáng kiến kinh nghiệm để hướng dẫn chi tiết về hồ sơ thủ tục, quy trình đăng ký, tiêu chuẩn đánh giá của Hội đồng thẩm định, định mức khen thưởng tài chính và cơ chế kiểm tra, giám sát áp dụng thống nhất trong toàn Trường.

CHƯƠNG VI. ĐỐI NGOẠI VÀ PHÁT TRIỂN TIỀM LỰC TRONG HOẠT ĐỘNG KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ VÀ ĐỔI MỚI SÁNG TẠO

Điều 26. Hợp tác doanh nghiệp trong và ngoài nước

1. Hợp tác doanh nghiệp được triển khai theo các hình thức thông qua đa dạng các phương thức linh hoạt bao gồm việc tiếp nhận đặt hàng nghiên cứu; đồng tài trợ cho các dự án khoa học; ký kết hợp đồng nghiên cứu và phát triển (R&D); thực hiện hợp đồng dịch vụ khoa học và công nghệ; chia sẻ, dùng chung hạ tầng kỹ thuật và phòng thí nghiệm; triển khai chuyển giao công nghệ; phối hợp đào tạo phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao; tổ chức chương trình thực tập - việc làm cho người học; và đồng hành trong các hoạt động ươm tạo, khởi nghiệp sáng tạo.

2. Mọi hoạt động hợp tác có phát sinh cam kết về mặt tài chính, điều chuyển tài sản, chia sẻ dữ liệu, xác lập quyền SHTT hoặc sử dụng thương hiệu, hình ảnh của Trường phải được thẩm định và tiến hành ký kết chính thức theo đúng phân cấp thẩm quyền quy định. Nhà trường nghiêm cấm việc sử dụng Biên bản ghi nhớ (MoU) hoặc các văn bản thỏa thuận nguyên tắc để thay thế cho Hợp đồng kinh tế, Hợp đồng khoa học công nghệ khi phát sinh các nghĩa vụ tài chính hoặc nghĩa vụ pháp lý cụ thể giữa các bên.

Điều 27. Hợp tác quốc tế về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo

1. Nhà trường chủ động thúc đẩy và tăng cường các hoạt động hợp tác quốc tế trong lĩnh vực KHCN&ĐMST với các tổ chức khoa học, trường đại học, viện nghiên cứu và chuyên gia nước ngoài. Phương thức hợp tác được cụ thể hóa thông qua việc phối hợp triển khai các đề tài nghiên cứu chung, phát triển công nghệ tiên tiến và thúc đẩy các giải pháp đổi mới sáng tạo; đầu tư thành lập hoặc tham gia vận hành các phòng thí nghiệm quốc tế, trung tâm nghiên cứu và trung tâm đổi mới sáng tạo chung; đồng thời chủ trì hoặc phối hợp tổ chức các hội nghị, hội

thảo khoa học quốc tế theo đúng các quy định pháp luật hiện hành của Nhà nước.

2. Mục đích của hoạt động hợp tác là để phát triển nguồn lực, nâng cao năng lực công nghệ và mở rộng khả năng ứng dụng và thương mại hóa kết quả nghiên cứu.

3. Hoạt động hợp tác quốc tế trong lĩnh vực KHCN&ĐMST phải bám sát các mục tiêu chiến lược của Nhà trường để thu hút và phát triển các nguồn lực đầu tư quốc tế; nâng cao năng lực và làm chủ công nghệ hiện đại cho đội ngũ nghiên cứu, đồng thời mở rộng khả năng ứng dụng, chuyển giao và thương mại hóa các kết quả nghiên cứu ra thị trường khu vực và toàn cầu.

Điều 28. Phát triển nhóm nghiên cứu, tổ chức khoa học và công nghệ

1. Ưu tiên tập trung nguồn lực đầu tư, hỗ trợ kịp thời đối với các đơn vị, cá nhân có năng lực vượt trội và sở hữu các kết quả nghiên cứu nổi bật nhằm hình thành nên các hạt nhân học thuật mạnh.

2. Khuyến khích thành lập, phát triển đa dạng các mô hình tổ chức bao gồm nhóm nghiên cứu tiềm năng, nhóm nghiên cứu mạnh, các trung tâm nghiên cứu chuyên sâu và hệ thống phòng thí nghiệm trọng điểm.

3. Hoạt động của các nhóm nghiên cứu, tổ chức KH&CN phải gắn liền với các định hướng nghiên cứu trọng điểm, mũi nhọn của Nhà trường, đồng thời phải xuất phát từ nhu cầu giải quyết các bài toán thực tiễn của thị trường và có khả năng liên kết, hợp tác, nhận đặt hàng dài hạn với hệ thống doanh nghiệp.

4. Nhà trường có chính sách phát hiện, thu hút, trọng dụng nhà khoa học, chuyên gia, nhà nghiên cứu trẻ xuất sắc, chuyên gia quốc tế và nhân tài khoa học công nghệ theo quy định của pháp luật và điều kiện thực tế của Nhà trường.

Điều 29. Phát triển cơ sở vật chất và trang thiết bị phục vụ nghiên cứu

1. Nhà trường dành nguồn lực để đầu tư mới, nâng cấp và hiện đại hóa hệ thống cơ sở vật chất, phòng thí nghiệm, xưởng thực hành và các trang thiết bị kỹ thuật chuyên sâu phục vụ trực tiếp cho hoạt động KHCN&ĐMST theo đúng lộ trình kế hoạch phát triển đã phê duyệt.

2. Việc quản lý, khai thác và đưa vào sử dụng hệ thống cơ sở vật chất phục vụ nghiên cứu phải bảo đảm tính hiệu quả, thực hành tiết kiệm, tránh lãng phí nguồn lực đầu tư; bảo đảm công năng phục vụ đồng thời giữa đào tạo, nghiên cứu khoa và chuyển giao công nghệ. Nhà trường khuyến khích cơ chế sử dụng chung, chia sẻ và tối ưu hóa khai thác trang thiết bị nghiên cứu giữa các đơn vị trong toàn Trường, cũng như phối hợp khai thác với các đối tác, doanh nghiệp bên ngoài theo

đúng quy định hiện hành của pháp luật.

3. Nhà trường xây dựng, quản lý và phát triển hệ thống cơ sở dữ liệu khoa học và công nghệ, kho dữ liệu nghiên cứu, nền tảng số phục vụ hoạt động nghiên cứu, đổi mới sáng tạo và chuyển giao công nghệ; bảo đảm an toàn thông tin, bảo vệ dữ liệu cá nhân theo quy định của pháp luật.

Điều 30. Quy định chi tiết và tổ chức thực hiện

Hiệu trưởng ban hành các văn bản quy định chi tiết và hướng dẫn triển khai toàn diện các nội dung thuộc Chương này, bao gồm: tiêu chí, cơ chế công nhận, hỗ trợ và đánh giá hoạt động của các nhóm nghiên cứu; tiêu chuẩn năng lực của trưởng nhóm và thành viên tham gia nhóm nghiên cứu tiềm năng, nhóm nghiên cứu mạnh; các chính sách phát triển nguồn nhân lực KHCN; cùng quy trình quản lý, vận hành, khai thác hệ thống cơ sở vật chất, phòng thí nghiệm và hạ tầng thông tin dữ liệu KH&CN áp dụng thống nhất trong toàn Trường.

CHƯƠNG VII. TÀI CHÍNH, QUỸ VÀ ĐẦU TƯ CHO HOẠT ĐỘNG KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ VÀ ĐỔI MỚI SÁNG TẠO

Điều 31. Nguồn tài chính cho hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo

1. Nguồn tài chính cho hoạt động KHCN&ĐMST của Nhà trường bao gồm:

a) Ngân sách nhà nước từ các nguồn sự nghiệp KHCN&ĐMST và nguồn đầu tư phát triển;

b) Nguồn thu hợp pháp ngoài ngân sách bao gồm: doanh thu từ dịch vụ khoa học và công nghệ; vốn hợp tác công tư; tài trợ, viện trợ, hiến tặng hợp pháp của các tổ chức trong và ngoài nước; vốn đầu tư cho đổi mới sáng tạo, và các khoản đóng góp cho quỹ phát triển khoa học và công nghệ của Nhà trường.

2. Nhà trường khuyến khích huy động các nguồn lực ngoài ngân sách, đặc biệt từ doanh nghiệp, tổ chức trong và ngoài nước.

Điều 32. Nguyên tắc quản lý, phân bổ và sử dụng kinh phí

1. Việc quản lý, phân bổ và sử dụng các nguồn kinh phí KHCN&ĐMST phải tuân thủ đúng quy định của pháp luật hiện hành về ngân sách nhà nước, tài chính, đồng thời phải phù hợp với cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập. Mọi khoản chi tiêu phải bảo đảm đúng mục đích, tiết kiệm, hiệu quả

kinh tế; công khai, minh bạch và có trách nhiệm giải trình cá nhân.

2. Phương thức phân bổ kinh phí nghiên cứu phải gắn với mục tiêu, nội dung cụ thể, chất lượng sản phẩm của từng nhiệm vụ và hiệu quả ứng dụng thực tế của kết quả đầu ra.

3. Nhà trường thực hiện giao quyền chủ động tối đa trong việc quyết định sử dụng nguồn kinh phí cho các tổ chức, cá nhân chủ trì nhiệm vụ, đồng thời đẩy mạnh việc áp dụng cơ chế khoán chi tài chính triệt để theo sản phẩm cuối cùng.

4. Nhà trường ưu tiên sử dụng nguồn vốn trích từ Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp và các nguồn thu dịch vụ hợp pháp để đầu tư phát triển KHCN&ĐMST.

Điều 33. Cơ chế quản lý, hình thành và vận hành Quỹ phát triển khoa học và công nghệ

1. Nhà trường thành lập, vận hành Quỹ phát triển KHCN&ĐMST theo đúng quy định tại Điều 66 Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo năm 2025.

2. Quỹ phát triển KHCN&ĐMST được sử dụng để hỗ trợ nhóm nghiên cứu, nhà khoa học, người học; hỗ trợ đăng ký, bảo hộ và khai thác tài sản trí tuệ; hỗ trợ công bố khoa học; hỗ trợ hoạt động khởi nghiệp sáng tạo, ươm tạo công nghệ, phát triển sản phẩm mẫu và thương mại hóa kết quả nghiên cứu theo quy định của pháp luật; sử dụng để đối ứng, đồng tài trợ cho các nhiệm vụ nghiên cứu, ứng dụng và thương mại hóa công nghệ. Quỹ phát triển KHCN&ĐMST hoạt động theo các nguyên tắc sau đây:

a) Nhà trường và các đơn vị, cá nhân được giao quản lý, sử dụng Quỹ phát triển KHCN&ĐMST có trách nhiệm về quản lý, sử dụng đúng mục đích, hiệu quả, gắn với chiến lược phát triển KHCN&ĐMST của Trường và chịu trách nhiệm theo quy định của pháp luật và của Nhà trường;

b) Nhà trường áp dụng cơ chế chấp nhận rủi ro trong đầu tư, hỗ trợ hoạt động KHCN&ĐMST theo quy định quản lý quỹ của Nhà trường và quy định của pháp luật có liên quan;

c) Đơn vị được giao quản lý Quỹ phát triển KHCN&ĐMST có trách nhiệm tổ chức hạch toán riêng, thực hiện kiểm soát nội bộ, bảo đảm công khai, minh bạch và chịu sự kiểm tra, giám sát, thanh tra, kiểm toán theo quy định của pháp luật.

3. Nguồn hình thành Quỹ phát triển khoa học và công nghệ gồm:

a) Nhà trường trích tối đa 20% thu nhập tính thuế hàng năm theo quy định;

b) Phần chênh lệch thu lớn hơn chi và lợi nhuận hợp pháp từ hoạt động nghiên cứu, đào tạo, chuyển giao công nghệ, thương mại hóa sản phẩm;

c) Các nguồn tài trợ, viện trợ, hiến tặng, đóng góp của tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước.

4. Huy động vốn ngoài ngân sách nhà nước

a) Nhà trường được chủ động huy động nguồn ngoài ngân sách để bổ sung quỹ;

b) Nhà tài trợ được hưởng ưu đãi thuế và ưu đãi khác theo quy định của pháp luật;

c) Nguồn kinh phí huy động ngoài ngân sách nhà nước được quản lý, sử dụng và thanh quyết toán theo thỏa thuận với nhà tài trợ và phù hợp với quy định của pháp luật có liên quan;

d) Khuyến khích thực hiện nhiệm vụ KHCN&ĐMST không sử dụng ngân sách nhà nước; việc tổ chức thực hiện theo quy định của Nhà trường và quy định của pháp luật.

5. Hiệu trưởng quy định chi tiết quy định về quản lý và sử dụng Quỹ phát triển KHCN&ĐMTS quy định tại Điều này.

Điều 34. Nội dung chi cho hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo

1. Kinh phí chi cho các hoạt động KHCN&ĐMST hàng năm do Nhà trường phê duyệt thực hiện theo quy định của pháp luật sử dụng cho các nội dung quy định tại Điều 10 của Quy chế này.

2. Nhà trường được sử dụng tối thiểu 5% nguồn thu hợp pháp hằng năm để chi cho hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo theo quy định của pháp luật.

3. Nội dung chi từ nguồn kinh phí quy định tại khoản 2 Điều này được thực hiện theo các nội dung chi áp dụng đối với Quỹ phát triển KHCN&ĐMST của Trường và theo quy định của pháp luật.

4. Hiệu trưởng ban hành quy định chi tiết về quản lý, sử dụng, thanh quyết toán và kiểm tra, giám sát các nguồn kinh phí phục vụ hoạt động KHCN&ĐMST bảo đảm phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và Quy chế chi tiêu nội bộ của Trường.

CHƯƠNG VIII. KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ, THỐNG KÊ VÀ BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ VÀ ĐỔI MỚI SÁNG TẠO

Điều 35. Nguyên tắc kiểm tra, đánh giá hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo

1. Kiểm tra, đánh giá hoạt động KHCN&ĐMST tại Nhà trường phải bảo đảm các nguyên tắc khách quan, trung thực, công khai và minh bạch. Quy trình đánh giá phải gắn với mục tiêu, sản phẩm cụ thể và hiệu quả của từng nhiệm vụ; đồng phù hợp tối ưu với các đặc thù của từng loại hình nhiệm vụ khoa học và năng lực của từng đối tượng thực hiện.

2. Hoạt động kiểm tra, đánh giá được tổ chức thực hiện định kỳ theo kế hoạch hoặc kiểm tra đột xuất khi cần thiết. Quá trình này phải được theo dõi xuyên suốt, cả trong giai đoạn đang triển khai thực hiện và sau khi đã kết thúc, nghiệm thu nhiệm vụ.

Điều 36. Nội dung và ứng dụng kết quả kiểm tra, đánh giá

1. Nội dung công tác kiểm tra, đánh giá hoạt động KHCN&ĐMST trong Trường bao gồm: việc chấp hành tổ chức thực hiện nhiệm vụ của các bên; tiến độ thời gian, chất lượng và sản phẩm; quy trình quản lý, quyết toán và sử dụng nguồn kinh phí; hiệu quả quản lý, khai thác tài sản trí tuệ; cùng việc tuân thủ các quy định pháp luật của Nhà nước và của Nhà trường.

2. Kết quả của công tác kiểm tra, đánh giá là cơ sở pháp lý và căn cứ để Nhà trường thực hiện việc công nhận kết quả nhiệm vụ; đánh giá, xếp loại chất lượng của đơn vị, cá nhân hoặc xem xét khen thưởng hoặc xử lý vi phạm quy chế.

Điều 37. Đánh giá hiệu quả hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo

1. Hoạt động KHCN&ĐMST của Trường đánh giá trên các phương diện: khối lượng kết quả nghiên cứu và công bố khoa học; số lượng sản phẩm khoa học, công nghệ ứng dụng và tài sản trí tuệ được xác lập quyền; hiệu quả kinh tế - xã hội thu được từ công tác chuyển giao công nghệ và thương mại hóa kết quả; mức độ đóng góp vào công tác đào tạo, phát triển nguồn nhân lực, chất lượng uy tín học thuật của Nhà trường trên các bảng xếp hạng.

2. Hiệu trưởng quy định chi tiết tiêu chí, định mức và phương pháp đánh giá cụ thể đối với từng mảng hoạt động, bảo đảm các yêu cầu quản lý của Nhà trường và tiệm cận với các tiêu chuẩn đánh giá tiên tiến trong nước và quốc tế.

Điều 38. Chế độ báo cáo hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo

1. Chế độ báo cáo kết quả hoạt động KHCN&ĐMST của Nhà trường được thực hiện theo chế độ báo cáo định kỳ hàng năm, báo cáo theo mốc giai đoạn yêu cầu của các cơ quan quản lý nhà nước cấp trên, hoặc báo cáo đột xuất khi cần.

2. Nội dung các văn bản báo cáo phải phản ánh một cách trung thực, rõ ràng về tình hình triển khai, các số liệu kết quả cụ thể đã đạt được; đồng thời nêu khó khăn, vướng mắc phát sinh trong và đề xuất các giải pháp kiến nghị xử lý phù hợp.

3. Phòng Quản lý khoa học và Hợp tác quốc tế (QLKH&HTQT) là đơn vị đầu mối chủ trì công tác đôn đốc, thu thập dữ liệu, tổng hợp và xây dựng các văn bản báo cáo chính thức về hoạt động KHCN&ĐMST của toàn Trường để trình Hiệu trưởng phê duyệt.

CHƯƠNG IX. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 39. Trách nhiệm và quyền hạn của Ban Giám hiệu về quản lý hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo

1. Chỉ đạo và tổ chức thực hiện hoạt động KHCN&ĐMST của Trường;

2. Ban hành các Quy chế, quy định nội bộ về hoạt động KHCN&ĐMST;

3. Chỉ đạo xây dựng kế hoạch hoạt động KHCN&ĐMST của Trường, các đơn vị thuộc, trực thuộc Trường;

4. Tổ chức huy động các nguồn vốn khác nhau cho hoạt động KHCN&ĐMST và sử dụng nguồn vốn theo nguyên tắc hiệu quả và phát triển tài năng trẻ;

5. Khen thưởng và vinh danh VC, NLĐ và người học có kết quả KHCN&ĐMST xuất sắc và cán bộ có thành tích xuất sắc trong công tác quản lý hoạt động KHCN&ĐMST;

6. Tổ chức kiểm tra, đánh giá, tổng kết việc thực hiện kế hoạch hoạt động KHCN&ĐMST.

Điều 40. Nhiệm vụ và trách nhiệm của các đơn vị trong quản lý hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo

1. Phòng QLKH&HTQT là đơn vị đầu mối tham mưu Hiệu trưởng và trực

tiếp quản lý hoạt động KHCN&ĐMST của Trường; có trách nhiệm:

a) Chủ trì tham mưu xây dựng chiến lược, kế hoạch, chương trình, cơ chế, chính sách phát triển KHCN&ĐMST của Trường;

b) Chủ trì xây dựng, trình Hiệu trưởng ban hành hoặc sửa đổi, bổ sung các quy định, quy trình liên quan về hoạt động KHCN&ĐMST nhằm bảo đảm triển khai thống nhất, hiệu quả Quy chế này, bao gồm:

- Quản lý nhiệm vụ KHCN&ĐMST của VC, NLĐ và người học;

- Tổ chức và hoạt động của nhóm nghiên cứu;

- Liêm chính khoa học, đạo đức nghề nghiệp trong hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo;

- Hợp tác trong nước và quốc tế về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo;

- Các quy định khác có liên quan đến hoạt động KHCN&ĐMST theo chức năng, nhiệm vụ được giao;

c) Tổ chức quản lý, theo dõi, kiểm tra, đánh giá việc thực hiện các nhiệm vụ KHCN&ĐMST của Trường;

d) Chủ trì tổng hợp, thống kê, báo cáo và xây dựng cơ sở dữ liệu phục vụ công tác quản lý hoạt động KHCN&ĐMST;

đ) Phối hợp với các đơn vị liên quan phát triển hệ sinh thái KHCN&ĐMST và khởi nghiệp của Trường.

2. Phòng Tổ chức Hành chính chủ trì, phối hợp với Phòng QLKH&HTQT và các đơn vị liên quan:

a) Tham mưu xây dựng chính sách phát triển nguồn nhân lực KHCN&ĐMST;

b) Phát hiện, thu hút, bồi dưỡng, trọng dụng và phát triển đội ngũ nhà khoa học, chuyên gia, cán bộ khoa học và công nghệ của Trường;

c) Chủ trì xây dựng, trình Hiệu trưởng ban hành quy định về thi đua, khen thưởng trong hoạt động KHCN&ĐMST theo quy định của pháp luật và của Nhà trường;

d) Thực hiện các nhiệm vụ khác liên quan đến công tác tổ chức cán bộ phục vụ hoạt động KHCN&ĐMST.

3. Phòng Kế hoạch Tài chính chủ trì, phối hợp với Phòng QLKH&HTQT

và các đơn vị liên quan:

a) Tham mưu Hiệu trưởng quản lý các nguồn kinh phí phục vụ hoạt động KHCN&ĐMST theo quy định của pháp luật và của Nhà trường;

b) Kiểm tra, rà soát dự toán, hướng dẫn thanh quyết toán kinh phí thực hiện các nhiệm vụ KHCN&ĐMST;

c) Chủ trì xây dựng, trình Hiệu trưởng ban hành quy định về Quỹ phát triển KHCN&ĐMST của Trường theo quy định của pháp luật;

d) Chủ trì xây dựng, trình Hiệu trưởng ban hành quy định về quản lý, khai thác tài sản trí tuệ, kết quả nghiên cứu và chuyển giao công nghệ; tham mưu xác định quyền sở hữu, quyền sử dụng và cơ chế phân chia lợi ích từ kết quả nghiên cứu theo quy định của pháp luật và của Nhà trường;

đ) Thực hiện chế độ kế toán, thống kê, báo cáo, kiểm tra và giám sát tài chính đối với hoạt động KHCN&ĐMST.

4. Phòng Quản lý đào tạo chủ trì, phối hợp với Phòng QLKH&HTQT triển khai các hoạt động đào tạo gắn với nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo; lồng ghép kết quả nghiên cứu khoa học vào chương trình đào tạo theo quy định.

5. Phòng Quản trị - Dịch vụ chủ trì thực hiện hoặc phối hợp thực hiện các thủ tục liên quan đến mua sắm, sửa chữa, bảo trì cơ sở vật chất, nguyên vật liệu, năng lượng, máy móc, thiết bị phục vụ hoạt động KHCN&ĐMST theo quy định.

6. Thư viện có trách nhiệm tiếp nhận, lưu trữ, quản lý và khai thác các báo cáo, sản phẩm, kết quả nghiên cứu KHCN&ĐMST theo quy định của Nhà trường.

7. Trung tâm Thực hành - Thí nghiệm:

a) Chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan xây dựng kế hoạch duy trì, nâng cấp và phát triển năng lực hệ thống phòng thực hành, phòng thí nghiệm phục vụ đào tạo và nghiên cứu khoa học;

b) Quản lý, khai thác hiệu quả cơ sở vật chất, trang thiết bị được giao;

c) Tạo điều kiện cho VC, NLĐ và người học sử dụng cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ hoạt động KHCN&ĐMST theo quy định.

8. Các đơn vị thuộc, trực thuộc Trường

a) Xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch hoạt động KHCN&ĐMST của đơn vị phù hợp với chiến lược, kế hoạch phát triển của Nhà trường;

b) Tổ chức, quản lý và hỗ trợ VC, NLĐ và người học thuộc đơn vị tham gia hoạt động KHCN&ĐMST;

c) Phối hợp với các đơn vị chức năng kiểm tra, đánh giá chất lượng và hiệu quả hoạt động KHCN&ĐMST;

d) Thực hiện các hoạt động hợp tác trong nước và quốc tế về KHCN&ĐMST theo lĩnh vực chuyên môn được giao;

đ) Thực hiện chế độ báo cáo và các nhiệm vụ khác theo yêu cầu của Hiệu trưởng.

9. Các Nhóm nghiên cứu, tổ chuyên trách của chương trình, đề tài, dự án khoa học và công nghệ được thành lập để quản lý, điều hành chương trình, đề tài, dự án khoa học và công nghệ thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo quyết định thành lập và các quy định có liên quan của Nhà trường.

Điều 41. Nhiệm vụ và trách nhiệm của cá nhân trong hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo

1. Thực hiện đúng theo nhiệm vụ được giao và những điều khoản thống nhất tại hợp đồng KHCN&ĐMST đã ký kết;

2. Cung cấp đầy đủ và kịp thời thông tin về các hoạt động KHCN&ĐMST khi có yêu cầu của các cấp có thẩm quyền;

3. Không vi phạm quyền sở hữu trí tuệ, không tiết lộ tư liệu, kết qủa NCKH thuộc danh mục bí mật của Nhà nước và Trường (nếu có);

4. Có trách nhiệm tuân thủ tiêu chuẩn đạo đức được quy định tại Điều 5 của Quy chế này;

5. Thực hiện đúng những quy định của Trường và các quy định hiện hành liên quan của Nhà nước và pháp luật.

Điều 42. Nhiệm vụ của các tổ chức tư vấn trong Trường về quản lý hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo

1. Hội đồng Khoa học và Đào tạo của Trường tư vấn cho Hiệu trưởng về: định hướng phát triển KHCN&ĐMST, kế hoạch, công tác quản lý và thực hiện hoạt động KHCN&ĐMST của các đơn vị trong Trường.

2. Các hội đồng tư vấn, ban/tổ quản lý do Hiệu trưởng thành lập để tư vấn cho Hiệu trưởng về những vấn đề cụ thể liên quan đến hoạt động KHCN&ĐMST.

CHƯƠNG X. KHEN THƯỞNG VÀ XỬ LÝ VI PHẠM

Điều 43. Khen thưởng

1. Nhà trường thực hiện các hình thức khen thưởng, tôn vinh, ghi nhận và khuyến khích đối với tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc trong nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ, đổi mới sáng tạo, công bố khoa học, sở hữu trí tuệ, chuyển giao công nghệ, thương mại hóa kết quả nghiên cứu, hợp tác quốc tế và các hoạt động khác thuộc lĩnh vực KHCN&ĐMST theo quy định của pháp luật và của Nhà trường.

2. Kết quả thực hiện nhiệm vụ KHCN&ĐMST của cá nhân, đơn vị là một trong những tiêu chuẩn để bình xét các danh hiệu thi đua, khen thưởng hàng năm. Phòng QLKH&HTQT có nhiệm vụ tổng hợp, kiểm tra và xác nhận tổng số giờ hoạt động KHCN&ĐMST hàng năm của cán bộ, giảng viên.

3. Các nhiệm vụ KHCN&ĐMST có kết quả được triển khai ứng dụng vào thực tiễn, chuyển giao công nghệ, là đối tượng của các dịch vụ KHCN mang lại giá trị kinh tế cho Nhà trường sẽ được trích thưởng một phần lợi nhuận. Giá trị trích thưởng căn cứ vào từng trường hợp cụ thể, phù hợp với Quy chế chi tiêu nội bộ hiện hành.

4. Với đối tượng tham gia hoạt động KHCN&ĐMST là người học, Nhà trường sẽ cấp giấy chứng nhận về thành tích hoạt động KHCN&ĐMST, được ưu tiên xét cấp học bổng, bình xét các danh hiệu thi đua và các hình thức khen thưởng khác.

5. Trường Đại học Điện lực có chính sách khen thưởng đối với các công bố khoa học, kết quả nghiên cứu, sáng chế, giải pháp hữu ích, sản phẩm công nghệ, các ấn phẩm khoa học, bao gồm: bài báo khoa học, sách chuyên khảo, giáo trình và các dạng sản phẩm tri thức hợp pháp khác; các kết quả chuyển giao công nghệ và các thành tựu KHCN&ĐMST khác theo quy định của Nhà trường. Mức thưởng, điều kiện, tiêu chí và quy trình thực hiện do Hiệu trưởng quy định.

Điều 44. Xử lý vi phạm

1. Đối với tập thể, viên chức, người lao động

a) VC, NLĐ không hoàn thành nhiệm vụ KHCN&ĐMST theo quy định, Hiệu trưởng căn cứ mức độ, hoàn cảnh cụ thể để xem xét khi đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ trong năm học, xếp loại thi đua và giải quyết các chế độ, chính sách liên quan.

b) Đối với nhiệm vụ KHCN&ĐMST khác do Trường chủ trì được thực hiện theo các quy định cơ quan quản lý nhiệm vụ và các quy định hiện hành.

2. Đối với người học: trường hợp đề tài KHCN&ĐMST không hoàn thành hoặc quá hạn trên 03 tháng, Nhà trường, ngoài thực hiện các điều khoản đã cam kết trong Hợp đồng (nếu có), sẽ căn cứ vào mức độ vi phạm để xử lý như sau:

a) Không được đăng ký tham gia nghiên cứu đề tài 02 năm tiếp theo;

b) Đánh giá kết quả rèn luyện (đối với sinh viên).

3. Việc xét thưởng công bố kết quả nghiên cứu xuất bản trên tạp chí khoa học thuộc danh mục WoS/Scopus: Nhà trường sẽ thu hồi toàn bộ khoản tiền đã khen đối với các công bố quốc tế đã được thưởng và được thanh toán tiền thưởng trong các trường hợp sau:

a) Công trình công bố quốc tế bị tạp chí quốc tế rút hoặc thu hồi do lỗi của tác giả;

b) Tạp chí quốc tế bị rút khỏi danh mục WoS/Scopus tại thời điểm bài báo được xuất bản;

4. Cá nhân, tập thể vi phạm các quy định khác về hoạt động trong lĩnh vực KHCN&ĐMST tùy tính chất và mức độ vi phạm, sẽ bị xử lý theo quy định hiện hành.

CHƯƠNG XI. ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 45. Điều khoản thi hành

1. Quy chế này có hiệu lực từ kể từ ngày ký và thay thế Quy chế 510/QĐ-ĐHĐL ngày 25 tháng 4 năm 2022 về việc ban hành Quy chế quản lý hoạt động Khoa học và công nghệ của Trường Đại học Điện lục. Các nội dung quy định tại các văn bản khác của Trường trái với quy định tại quy chế này bị bãi bỏ.

2. Những nội dung có liên quan khác nhưng chưa quy định cụ thể tại Quy chế này được thực hiện theo các quy định của Trường và của pháp luật có liên quan.

3. Trong quá trình thực hiện, nếu phát sinh khó khăn, vướng mắc hoặc có nội dung cần sửa đổi, bổ sung, các đơn vị thuộc và trực thuộc Trường có trách nhiệm phản ánh bằng văn bản về Phòng QLKH&HTQT để tổng hợp. Phòng QLKH&HTQT có trách nhiệm nghiên cứu, tổng hợp và báo cáo Hiệu trưởng xem xét, quyết định.

Điều 46. Điều khoản chuyển tiếp

1. Các nhiệm vụ KHCN&ĐMST, hợp đồng, thỏa thuận đã được phê duyệt trước ngày Quy chế này có hiệu lực tiếp tục thực hiện theo Quyết định, Hợp đồng hoặc Thỏa thuận đã ký, trừ trường hợp các bên thống nhất điều chỉnh để phù hợp Quy chế này và pháp luật hiện hành.

2. Trong thời hạn 12 tháng kể từ ngày Quy chế có hiệu lực, Phòng QLKH&HTQT rà soát, cập nhật quy trình, hồ sơ, biểu mẫu, dữ liệu đang sử dụng để bảo đảm thống nhất với Quy chế này./.

HIỆU TRƯỞNG

BỘ CÔNG THƯƠNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐIỆN LỰC

Đinh Văn Châu